

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 18/2020/HS-ST  
Ngày 18-5-2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Văn Tùng.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Bá Sửu.

2. Bà Vì Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Đôn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Hà Văn H; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987 tại huyện M, tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện M, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Hà Văn S và bà Hà Thị K; vợ: Lò Thị L; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Ngày 18 tháng 9 năm 2015 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại ngày 01/10/2018 (chưa được xóa án); tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1985 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 13, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị L; vợ: Vũ Thị T; con: có 02 con sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13 tháng 3 năm 2007 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 45 tháng tù giam về: Tội cướp giật tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được xóa án); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông

Nguyễn Phi H và bà Lê Thị H; vợ: Hà Thị Thu H; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Lò Minh T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1996 tại: huyện T, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Bon N, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lò Văn K và bà Lường Thị H; vợ: Quàng Thị H; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Lường Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1988 tại: huyện T, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lường Văn C và bà Lường Thị T; vợ: Bạc Thị T; con: có một con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 09/02/2020 Nguyễn Đức Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, BKS: 30M- 2605 chở Nguyễn Văn L đi từ Hà Nội đến huyện Y, tỉnh Sơn La gặp Hà Văn H, Lường Văn D, Lò Minh T, Lường Văn K, và Hoàng Công V để bàn bạc về việc nhận kéo đường dây điện ở xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Sau khi bàn bạc, ăn cơm xong mọi người đi xuống nhà nghỉ Tiến Thu thuộc Tiểu khu 5, thị trấn Y, huyện Y thuê phòng 301 nghỉ.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, Hà Văn H lấy trong túi áo ra 01 bài tú lơ khơ rủ Đ, L, T và D đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tất cả đồng ý. Lường Văn K và Hoàng Công V nằm ngủ không tham gia đánh bạc. Đ, L, H, T và D cùng nhau lấy 02 chiếc chiếu ở trên giường phòng nghỉ trải xuống nền nhà để ngồi đánh bạc. Đ, H, T, D và L thống nhất hình thức chơi và cách tính điểm như sau: Bộ tú lơ khơ 52 quân chia cho 5 người chơi, mỗi người 03 quân bài, ai có số điểm cao nhất được thu tiền (từ quân bài Át đến quân bài số chín là chín điểm thì tính điểm với nhau, từ quân bài số mười đến cây K là không điểm, có hai cây đồng chất từ cây J đến K gọi là bộ đôi thắng chín điểm, ai có ba cây gần nhau (dây) không kể đồng màu hay đồng chất gọi là Liêng thắng chín điểm và bộ đôi, còn ai có ba cây giống nhau gọi là Sáp thắng chín điểm, bộ đôi và Liêng, mức cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, mức tố tối đa là 50.000 đồng, có người cùng chơi tố, ai không theo tố thì úp bài, ai theo thì tố thêm đến khi nào tiền tố bằng nhau thì mở bài ai cao điểm nhất thì lấy số tiền tố trong ván chơi. Sau khi thống nhất xong, Hà Văn H là người chia bài đầu tiên, sau đó ai thắng thì được chia bài. Khi Đ, H, L, T và D đánh bạc đến 20 giờ 20 phút cùng ngày, thì bị tổ công tác Công an huyện Y, tỉnh Sơn La bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Đức Đ có 870.000 đồng để đánh bạc; Hà Văn H mang theo số tiền 5.000.000 đồng và bỏ ra 1.500.000 đồng để đánh bạc; Lương Văn D mang theo số tiền 3.280.000 đồng và bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc; Lò Minh T mang theo số tiền 2.500.000 đồng và bỏ ra 1.500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn L có 370.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, các đối tượng dồn hết tiền vào giữa chiếu bạc nên không biết được số tiền thắng thua.

Vật chứng vụ án gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A đến K; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.240.000 đồng thu trên chiếu bạc; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000 đồng thu giữ của Hà Văn H; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.280.000 đồng thu giữ của Lương Văn D; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000 đồng và một chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA-Exciter, màu sơn xanh bạc, BKS: 26 B2- 066.72 thu giữ của Lò Minh T; thu giữ của Nguyễn Đức Đ: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, màu sơn đen, BKS: 30M-2605, xe cũ đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận số: 351 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 5.240.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; số tiền 3.500.000 đồng thu giữ trên người Hà Văn H; số tiền 2.280.000 đồng thu giữ trên người Lương Văn D và số tiền 1.000.000 đồng thu giữ trên người Lò Minh T là tiền thật.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-YC ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn H mức hình phạt từ 6 tháng đến 9 tháng tù giam về Tội đánh bạc. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ mức hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về Tội đánh bạc. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Lò Minh T bị cáo Lương Văn D mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ về Tội đánh bạc. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 1 điều 47 BLHS và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài

từ A đến K; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.2400.000 đồng; trả cho bị cáo Hà Văn H 3.500.000 đồng; trả cho bị cáo Lương Văn D 2.280.000 đồng; trả cho bị cáo Lò Minh T 1.000.000 đồng. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 17h 45 phút ngày 09/2/2020 tại phòng 301 nhà nghỉ T, thuộc tiểu khu 5, thị trấn Y, huyện Y các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D đã có hành vi dùng quân bài tú lơ khơ “chơi liêng” sát phạt nhau được thua bằng tiền mỗi ván từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, mức tối đa là 50.000 đồng, khi đang chơi thì bị tổ công tác Công an huyện Y, tỉnh Sơn La bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi đánh bài được thua bằng tiền, khi tham gia đánh bài Nguyễn Đức Đ có 870.000 đồng để đánh bài; Hà Văn H bỏ ra 1.500.000 đồng để đánh bài; Lương Văn D bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bài; Lò Minh T bỏ ra 1.500.000 đồng để đánh bài; Nguyễn Văn L có 370.000 đồng để đánh bài. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bài là 5.240.000 đồng. Khi bị bắt, các bị cáo đã dồn hết vào giữa chiếu bạc nên không biết được số tiền thắng thua.

Xét hành vi sát phạt nhau được thua bằng tiền trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự công cộng, gây mất an ninh trong xã hội, làm ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống và các chuẩn mực xã hội, ảnh hưởng đến hạnh phúc, kinh tế gia đình và là cơ sở phát sinh tội phạm cũng như

tệ nạn xã hội khác. Bản thân các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D đã phạm tội: “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, việc xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án.

Các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D do hám lợi, đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “chơi Liêng” được thua bằng tiền, song số tiền sát phạt nhau không lớn, với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.240.000 đồng là hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có mức hình phạt “phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự tổ chức, phân công, câu kết chặt chẽ, chỉ nhất thời rủ nhau phạm tội. Các bị cáo trong vụ án đều tham gia với vai trò thực hành, không có bị cáo giữ vai trò chủ mưu, tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, bị cáo Hà Văn H là người khởi xướng rủ rê đánh bạc, các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D là những người tích cực thực hiện tội phạm. Vì vậy cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Hà Văn H có một tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án, nay lại phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D không có tình tiết tăng nặng, nhưng bị cáo Nguyễn Đức Đ nhân thân xấu đã bị xét xử về tội cướp giật tài sản nên khi lượng hình cũng cần xem xét.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lường Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; hai bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Đức Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của từng bị cáo bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Hà Văn H là người rủ rê, khởi xướng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm do

đó phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất là phạt tù, đồng thời cách ly bị cáo Hà Văn H ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D mức độ phạm tội không lớn, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, cần vận dụng Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt cải tạo không giam giữ đồng thời giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục theo quy định.

[4] Các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được tại ngoại, được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hàng tháng còn phải chịu khấu trừ thu nhập từ 5% đến 20% thu nhập. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, hiện nay do dịch bệnh covid không có công ăn việc làm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6] Đối với Phan Thế D là chủ nhà nghỉ T, Lương Văn K và Hoàng Công V là những người cùng nghỉ tại phòng 301 nhà nghỉ T, khi các bị cáo đánh bạc Phan Thế D và những người này không biết và không hưởng lợi nhuận gì về việc các bị cáo đánh bạc ở nhà nghỉ. Phan Thế D đã thực hiện việc khai báo khách lưu trú trong trường hợp khách không có giấy tờ tùy thân theo quy định, do đó cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý là có căn cứ.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với với quân bài từ A đến K là phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 5.240.000 đồng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước cần vận dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

Đối với số tiền, tài sản gồm: 3.500.000 đồng thu giữ của Hà Văn H; 2.280.000 đồng thu giữ của Lương Văn D; 1.000.000 đồng và một chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA- Exciter, màu sơn xanh bạc, BKS: 26 B2- 066.72 thu giữ của Lò Minh T; 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, màu sơn đen, BKS: 30M- 2605, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đức Đ. Qua điều tra xác định số tiền và tài sản trên các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Đ chiếc xe ô tô BKS: 30M- 2605, trả cho Lò Minh T chiếc xe máy BKS: 26 B2- 066.72. Số tiền còn lại cần vận dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Hà Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lò Minh T và Lương Văn D phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Xử phạt bị cáo Hà Văn H 07 tháng (bảy tháng) tù về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ 04 ngày (bốn ngày) tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 06 tháng (sáu tháng) 26 ngày (hai mươi sáu) ngày tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 12 tháng (mười hai tháng) cải tạo không giam giữ được khấu trừ 04 ngày (bốn ngày) tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 bằng 12 ngày (mười hai ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 11 tháng (mười một tháng) 18 ngày (mười tám ngày) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Đức Đ cho Ủy ban nhân dân Phường P, quận H, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân Phường P, quận H, Thành phố Hà Nội nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án đối với Nguyễn Đức Đ về tội “Đánh Bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 tháng (chín tháng) cải tạo không giam giữ được khấu trừ 04 ngày (bốn ngày) tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 bằng 12 ngày (mười hai ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 08 tháng (tám tháng) 18 ngày (mười tám ngày) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án đối với Nguyễn Văn L về tội “Đánh Bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Minh T 09 tháng (chín tháng) cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 04 ngày (bốn ngày) tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày 12/02/2020 bằng 12 ngày (mười hai ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 08 tháng (tám tháng) 18 ngày (mười tám ngày) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lò Minh T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án đối với Lò Minh T về tội “Đánh Bạc”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D 09 tháng (chín tháng) cải tạo không giam giữ được khấu trừ 04 ngày (bốn ngày) tạm giữ từ ngày 09/02/2020 đến ngày

12/02/2020 bằng 12 ngày (mười hai ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 08 tháng (tám tháng) 18 ngày (mười tám ngày) cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Lương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án đối với Lương Văn D về tội “Đánh Bạc”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung; Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ A đến K;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 5.240.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trả lại 3.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Hà Văn H; trả lại 2.280.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Lương Văn D; trả lại 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho Lò Minh T.

3. Về Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- CA huyện Y;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các bị cáo;
- UBND f P, N, T, C ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Tùng**





